

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: II - Năm học: 2022 - 2023

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Nhóm 08
CBGD: Nguyễn Thanh Hà

Số tín chỉ: 05

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	BP.5	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2122100324	Chu Nguyễn Xuân	An	20/12/2004	CCQ2210C	6.6	8.4	8.5	9.7	8.0	8.4	
2	2122100124	Lê Thị Thúy	An	18/09/2004	CCQ2210D	6.2	7.4	7.5	8.7	6.5	7.4	
3	2122100073	Trương Nhật Vân	An	13/08/2004	CCQ2210C	6.2	7.6	8.0	7.3	7.5	7.3	
4	2122100123	Nguyễn Ngọc	Anh	19/09/2004	CCQ2210D	6.0	7.2	8.0	9.3	7.5	7.8	
5	2122100086	Nguyễn Thị Kim	Anh	07/11/2004	CCQ2210C	7.0	8.6	9.0	10.0	9.0	8.9	
6	2122100114	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/03/2004	CCQ2210D	7.4	8.0	7.5	5.7	7.5	7.0	
7	2122100090	Lê Thị	Bình	27/11/2004	CCQ2210C	5.6	8.2	8.0	9.7	9.5	8.6	
8	2122100139	Nguyễn Thị Hồng	Châu	15/12/2004	CCQ2210D	6.0	9.4	8.0	9.3	7.5	8.1	
9	2122100097	Nguyễn Thị Kim	Cương	20/09/2004	CCQ2210C	5.6	8.0	9.0	8.7	8.0	8.0	
10	2122100101	Trần Thị Mai	Dung	01/10/2004	CCQ2210C	6.8	7.8	8.0	9.3	7.5	8.0	
11	2122100121	Nguyễn Thị Thu	Duyên	21/01/2003	CCQ2210D						0.0	
12	2122100109	Đào Tăng Ánh	Dương	20/02/2004	CCQ2210D	5.4	6.8	7.5	8.3	8.5	7.6	
13	2122100126	Nguyễn Hoài Hương	Giang	13/11/2004	CCQ2210D	6.4	7.2	7.5	9.7	8.5	8.2	
14	2120240232	Nguyễn Thị Hoài	Giang	16/10/1999	CCQ2024H	6.2	7.4	7.5	10.0	8.5	8.3	
15	2120240233	Nguyễn Thị	Hạnh	04/12/1999	CCQ2024H	6.6	7.2	7.5	9.0	8.5	8.0	
16	2122100085	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	20/10/2004	CCQ2210C	6.2	8.2	7.0	9.0	9.5	8.3	
17	2122100128	Trần Thị Thúy	Hằng	21/09/2004	CCQ2210D	5.0	7.0	7.5	8.0	8.5	7.5	
18	2122100102	Hồ Gia	Hân	09/06/2004	CCQ2210C	7.2	8.2	8.0	9.7	7.5	8.3	
19	2122100075	Võ Mỹ	Hiên	16/04/2004	CCQ2210C	5.8	7.6	8.0	8.0	7.5	7.5	
20	2122100135	Cao Thị Bích	Hòa	11/08/2004	CCQ2210D	6.4	7.0	7.5	8.3	7.8	7.6	
21	2122100129	Đỗ Thanh	Hòa	20/12/2004	CCQ2210D	5.8	9.0	8.0	9.0	7.5	8.0	

22	2118210020	Nguyễn Thị Thúy	Liều	02/01/2000	CCQ1821A	7.2	8.2	7.5	8.3	8.5	8.1	
23	2122100131	Phạm Thị	Linh	20/04/2004	CCQ2210D	4.8	9.0	8.0	9.7	7.5	8.0	
24	2120180051	Lê Minh	Lợi	30/05/2002	CCQ2018B	7.0	7.8	8.0	8.7	8.5	8.2	
25	2122100095	Đỗ Thảo	Lương	22/02/2004	CCQ2210C						0.0	
26	2122100117	Nguyễn Thị	Ly	08/06/2004	CCQ2210D	7.4	7.2	7.5	8.0	6.5	7.3	
27	2122100141	Nguyễn Thị Hồng	Ly	14/09/2003	CCQ2210D	4.8	7.0	7.5	8.3	7.5	7.3	
28	2122100099	Huỳnh Thị Bạch	Mai	13/04/2004	CCQ2210C	5.8	9.4	8.0	8.0	8.5	8.0	
29	2122100110	Lê Hồng	Mai	07/12/2004	CCQ2210D	6.6	7.4	8.0	9.0	8.5	8.1	
30	2122100111	Lê Ngọc	Mai	07/02/2004	CCQ2210D	6.6	8.0	8.0	8.3	8.5	8.0	
31	2122100089	Nguyễn Thị	Mến	30/09/2004	CCQ2210C						0.0	
32	2122100083	Nguyễn Hoàng Trà	My	29/04/2004	CCQ2210C	6.4	7.8	7.0	9.3	8.5	8.1	
33	2122100094	Trương Thị Diễm	My	11/04/2004	CCQ2210C	6.2	9.2	8.0	9.0	9.0	8.5	
34	2122100100	Phạm Gia	Ngân	19/05/2003	CCQ2210C	6.2	8.2	7.0	6.7	8.5	7.4	
35	2122100092	Dương Thị Kim	Ngọc	29/07/2004	CCQ2210C						0.0	
36	2122100098	Nguyễn Đào Bảo	Ngọc	01/09/2004	CCQ2210C	7.2	8.0	7.0	9.0	8.5	8.2	
37	2122100084	Nguyễn Thảo	Nguyên	29/06/2004	CCQ2210C	6.6	6.0	7.5	8.3	7.5	7.4	
38	2122100104	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	19/05/2004	CCQ2210C	6.0	8.2	8.0	9.7	8.8	8.5	
39	2122100142	Nguyễn Trọng	Nhân	01/02/2004	CCQ2210D	5.4	6.4	8.0	8.7	8.0	7.6	
40	2122100088	Châu Thị Yên	Nhi	29/08/2004	CCQ2210C						0.0	
41	2122100091	Đào Liễu Phụng	Nhi	11/08/2004	CCQ2210C	7.2	8.0	7.5	7.3	8.5	7.8	
42	2122100122	Lê Uyên	Nhi	22/04/2004	CCQ2210D	6.8	8.6	7.0	9.3	8.5	8.3	
43	2122100326	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	07/12/2004	CCQ2210C	7.6	8.0	8.0	8.7	7.5	8.0	
44	2122100078	Lê Thị Quỳnh	Như	31/03/2004	CCQ2210C	6.2	8.8	7.5	6.3	7.5	7.2	
45	2122100002	Lê Thị Kiều	Oanh	26/06/2003	CCQ2210C	6.4	7.0	7.5	9.7	8.5	8.2	
46	2122100327	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	01/05/2004	CCQ2210D	7.4	9.4	8.0	9.0	8.5	8.5	
47	2122100138	Quách Phan Thụy Bích	Quyên	06/07/2003	CCQ2210D						0.0	
48	2122100136	Lê Thị	Tâm	16/02/2003	CCQ2210D	6.4	7.0	7.5	7.0	7.5	7.1	
49	2122100130	Thái Thị Huyền	Tâm	30/10/2004	CCQ2210D	5.0	8.2	8.0	8.7	8.5	7.9	
50	2122100112	Nguyễn Công	Thành	10/01/2004	CCQ2210D	4.6	7.0	8.0	7.3	8.0	7.2	
51	2122100325	Nguyễn Thị	Thảo	09/03/2004	CCQ2210C	7.0	8.6	8.0	9.7	7.5	8.3	
52	2122100119	Phạm Thị Kiều	Thu	11/07/2004	CCQ2210D	6.8	8.0	7.0	10.0	8.5	8.4	
53	2122100115	Lê Thị Phương	Thùy	26/03/2004	CCQ2210D	6.6	8.2	8.0	9.3	8.5	8.3	
54	2122100079	Võ Thị Thanh	Thúy	17/07/2004	CCQ2210C	8.2	8.6	7.5	9.0	8.5	8.5	
55	2122100137	Nguyễn Thị Minh	Thư	18/02/2004	CCQ2210D	5.8	9.6	8.0	8.3	8.5	8.1	
56	2122100087	Bùi Thị Cẩm	Tiên	26/07/2004	CCQ2210C	7.0	6.8	7.5	9.7	7.5	8.0	
57	2122100140	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	02/04/2004	CCQ2210D	6.2	7.4	7.5	7.7	7.5	7.4	

58	2122100116	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/04/2004	CCQ2210D	7.0	8.0	7.0	9.3	9.0	8.4	
59	2122100134	Phạm Thị Bích	Trâm	14/09/2004	CCQ2210D	7.4	8.4	8.0	9.3	7.5	8.2	
60	2122100118	Nguyễn Kiều	Trinh	06/07/2004	CCQ2210D	6.8	8.2	7.0	8.0	8.5	7.9	
61	2122100074	Lê Thị Cẩm	Tú	08/12/2004	CCQ2210C	6.4	7.6	8.0	7.0	8.5	7.6	
62	2122100103	Đỗ Thị Ngọc	Uyên	06/06/2004	CCQ2210C	7.4	8.2	8.5	7.7	9.0	8.2	
63	2122100105	Nguyễn Thị Thu	Uyên	18/08/2004	CCQ2210C	8.0	8.4	7.5	9.3	8.5	8.5	
64	2122100096	Nguyễn Thị Kim	Vàng	21/09/2004	CCQ2210C	5.8	9.6	8.0	9.0	8.5	8.3	
65	2122100120	Phạm Yên	Vy	11/09/2004	CCQ2210D	7.2	8.2	7.0	8.7	8.5	8.1	
66	2122100323	Võ Trần Thuý	Vy	17/05/2004	CCQ2210C	6.8	8.2	8.0	10.0	8.5	8.6	
67	2122100125	Trần Thị Kim	Xuân	14/09/2004	CCQ2210D	6.2	6.8	7.5	8.0	8.5	7.6	
68	2122100093	Văn Thị Kim	Xuân	02/04/2004	CCQ2210C	6.8	8.0	7.5	8.0	8.5	7.9	
69	2122100108	Phan Thị Hải	Yến	24/09/2004	CCQ2210D	6.6	7.6			9.0	4.6	

Tp. HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN

Học kỳ: II - Năm học: 2022 - 2023

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Nhóm 08

Số tín chỉ: 05

CBGD: Nguyễn Thanh Hà

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/Học phần
1	2122100324	Chu Nguyễn Xuân	An	20/12/2004	CCQ2210C	8.4	7.6	7.9
2	2122100124	Lê Thị Thúy	An	18/09/2004	CCQ2210D	7.4	7.8	7.6
3	2122100073	Trương Nhựt Vân	An	13/08/2004	CCQ2210C	7.3	6.8	7.0
4	2122100123	Nguyễn Ngọc	Anh	19/09/2004	CCQ2210D	7.8	7.8	7.8
5	2122100086	Nguyễn Thị Kim	Anh	07/11/2004	CCQ2210C	8.9	8.2	8.5
6	2122100114	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/03/2004	CCQ2210D	7.0	8.0	7.6
7	2122100090	Lê Thị	Bình	27/11/2004	CCQ2210C	8.6	8.2	8.4
8	2122100139	Nguyễn Thị Hồng	Châu	15/12/2004	CCQ2210D	8.1	7.6	7.8
9	2122100097	Nguyễn Thị Kim	Cương	20/09/2004	CCQ2210C	8.0	7.4	7.6
10	2122100101	Trần Thị Mai	Dung	01/10/2004	CCQ2210C	8.0	7.0	7.4
11	2122100121	Nguyễn Thị Thu	Duyên	21/01/2003	CCQ2210D	0.0		0.0
12	2122100109	Đào Tăng Ánh	Dương	20/02/2004	CCQ2210D	7.6	7.8	7.7
13	2122100126	Nguyễn Hoài Hương	Giang	13/11/2004	CCQ2210D	8.2	7.2	7.6
14	2120240232	Nguyễn Thị Hoài	Giang	16/10/1999	CCQ2024H	8.3	7.4	7.8
15	2120240233	Nguyễn Thị	Hạnh	04/12/1999	CCQ2024H	8.0	7.6	7.8
16	2122100085	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	20/10/2004	CCQ2210C	8.3	7.2	7.7
17	2122100128	Trần Thị Thúy	Hằng	21/09/2004	CCQ2210D	7.5	7.6	7.6
18	2122100102	Hồ Gia	Hân	09/06/2004	CCQ2210C	8.3	7.6	7.9
19	2122100075	Võ Mỹ	Hiên	16/04/2004	CCQ2210C	7.5	7.6	7.6
20	2122100135	Cao Thị Bích	Hòa	11/08/2004	CCQ2210D	7.6	7.6	7.6
21	2122100129	Đỗ Thanh	Hòa	20/12/2004	CCQ2210D	8.0	8.0	8.0

22	2118210020	Nguyễn Thị Thúy	Liều	02/01/2000	CCQ1821A	8.1	7.0	7.4
23	2122100131	Phạm Thị	Linh	20/04/2004	CCQ2210D	8.0	7.6	7.8
24	2120180051	Lê Minh	Lợi	30/05/2002	CCQ2018B	8.2	6.8	7.3
25	2122100095	Đỗ Thảo	Lương	22/02/2004	CCQ2210C	0.0		0.0
26	2122100117	Nguyễn Thị	Ly	08/06/2004	CCQ2210D	7.3	7.4	7.4
27	2122100141	Nguyễn Thị Hồng	Ly	14/09/2003	CCQ2210D	7.3	6.0	6.5
28	2122100099	Huỳnh Thị Bạch	Mai	13/04/2004	CCQ2210C	8.0	7.8	7.9
29	2122100110	Lê Hồng	Mai	07/12/2004	CCQ2210D	8.1	8.0	8.1
30	2122100111	Lê Ngọc	Mai	07/02/2004	CCQ2210D	8.0	8.4	8.3
31	2122100089	Nguyễn Thị	Mến	30/09/2004	CCQ2210C	0.0		0.0
32	2122100083	Nguyễn Hoàng Trà	My	29/04/2004	CCQ2210C	8.1	7.0	7.4
33	2122100094	Trương Thị Diễm	My	11/04/2004	CCQ2210C	8.5	7.8	8.1
34	2122100100	Phạm Gia	Ngân	19/05/2003	CCQ2210C	7.4	7.0	7.2
35	2122100092	Dương Thị Kim	Ngọc	29/07/2004	CCQ2210C	0.0		0.0
36	2122100098	Nguyễn Đào Bảo	Ngọc	01/09/2004	CCQ2210C	8.2	7.0	7.5
37	2122100084	Nguyễn Thảo	Nguyên	29/06/2004	CCQ2210C	7.4	7.2	7.3
38	2122100104	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	19/05/2004	CCQ2210C	8.5	7.2	7.7
39	2122100142	Nguyễn Trọng	Nhân	01/02/2004	CCQ2210D	7.6	6.6	7.0
40	2122100088	Châu Thị Yên	Nhi	29/08/2004	CCQ2210C	0.0		0.0
41	2122100091	Đào Liễu Phụng	Nhi	11/08/2004	CCQ2210C	7.8	7.2	7.4
42	2122100122	Lê Uyên	Nhi	22/04/2004	CCQ2210D	8.3	7.0	7.5
43	2122100326	Nguyễn Thị Ngọc	Nhung	07/12/2004	CCQ2210C	8.0	7.8	7.9
44	2122100078	Lê Thị Quỳnh	Như	31/03/2004	CCQ2210C	7.2	8.0	7.7
45	2122100002	Lê Thị Kiều	Oanh	26/06/2003	CCQ2210C	8.2	6.8	7.4
46	2122100327	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	01/05/2004	CCQ2210D	8.5	8.0	8.2
47	2122100138	Quách Phan Thụy Bích	Quyên	06/07/2003	CCQ2210D	0.0		0.0
48	2122100136	Lê Thị	Tâm	16/02/2003	CCQ2210D	7.1	7.2	7.2
49	2122100130	Thái Thị Huyền	Tâm	30/10/2004	CCQ2210D	7.9	7.8	7.9
50	2122100112	Nguyễn Công	Thành	10/01/2004	CCQ2210D	7.2	6.6	6.8
51	2122100325	Nguyễn Thị	Thảo	09/03/2004	CCQ2210C	8.3	6.8	7.4
52	2122100119	Phạm Thị Kiều	Thu	11/07/2004	CCQ2210D	8.4	8.4	8.4
53	2122100115	Lê Thị Phương	Thùy	26/03/2004	CCQ2210D	8.3	7.0	7.5
54	2122100079	Võ Thị Thanh	Thúy	17/07/2004	CCQ2210C	8.5	7.4	7.8
55	2122100137	Nguyễn Thị Minh	Thư	18/02/2004	CCQ2210D	8.1	8.0	8.1
56	2122100087	Bùi Thị Cẩm	Tiên	26/07/2004	CCQ2210C	8.0	7.4	7.6
57	2122100140	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	02/04/2004	CCQ2210D	7.4	6.8	7.0

58	2122100116	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/04/2004	CCQ2210D	8.4	8.2	8.3
59	2122100134	Phạm Thị Bích	Trâm	14/09/2004	CCQ2210D	8.2	7.0	7.5
60	2122100118	Nguyễn Kiều	Trinh	06/07/2004	CCQ2210D	7.9	7.4	7.6
61	2122100074	Lê Thị Cẩm	Tú	08/12/2004	CCQ2210C	7.6	7.0	7.2
62	2122100103	Đỗ Thị Ngọc	Uyên	06/06/2004	CCQ2210C	8.2	7.6	7.8
63	2122100105	Nguyễn Thị Thu	Uyên	18/08/2004	CCQ2210C	8.5	8.4	8.4
64	2122100096	Nguyễn Thị Kim	Vàng	21/09/2004	CCQ2210C	8.3	8.0	8.1
65	2122100120	Phạm Yến	Vy	11/09/2004	CCQ2210D	8.1	8.0	8.0
66	2122100323	Võ Trần Thuý	Vy	17/05/2004	CCQ2210C	8.6	7.4	7.9
67	2122100125	Trần Thị Kim	Xuân	14/09/2004	CCQ2210D	7.6	7.4	7.5
68	2122100093	Văn Thị Kim	Xuân	02/04/2004	CCQ2210C	7.9	8.0	8.0
69	2122100108	Phan Thị Hải	Yến	24/09/2004	CCQ2210D	4.6	0.0	1.8

Tp. HCM, ngày 15 tháng 3 năm 2023

Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà